

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST
Ngày 19-4-2022
V/v ly hôn giữa chị T và anh Th

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Ngát
2. Ông Nguyễn Văn Thuật

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Trung Kiên - Kiểm sát viên;

Ngày 19 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 116/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 12/4/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Bùi Thị T**, sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn Linh Phú, xã Tuấn Đạo, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh **Ngọc Văn Th**, sinh năm 1979; nơi cư trú: Thôn Hiệp Reo, xã Vĩnh An, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Bùi Thị T trình bày: Chị kết hôn với anh Ngọc Văn Th vào năm 2002, trước khi cưới có thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau, tự nguyện thỏa thuận kết hôn, không bị ai cưỡng ép, lừa dối. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Lập (nay là

xã Vĩnh An), huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang vào ngày 26/12/2002. Sau khi kết hôn, chị về nhà anh Th làm dâu, chung sống cùng gia đình anh Thư. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh căng thẳng từ năm 2009, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm, lối sống, bảo ban không ai nghe ai dẫn đến cãi chửi nhau. Do không thể tiếp tục chung sống cùng anh Th nên tháng 3/2009 (âm lịch), chị đưa con nhỏ về quê ngoại ở thôn Linh Phú, xã Tuấn Đạo sinh sống. Vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay.

Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân căng thẳng, trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Th được ly hôn nhau.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Ngọc Khiêm T, sinh ngày 06/5/2005 và cháu Ngọc Tự L, sinh ngày 24/10/2009. Hiện cả hai cháu đang ở cùng chị. Vợ chồng ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cả hai cháu cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con.

Hiện tại công việc của chị là làm ruộng, ngoài ra chị còn làm thuê vào những lúc nông nhàn, thu nhập bình quân hàng tháng từ 6.000.000đ đến 7.000.000đ. Chị đã có nhà ở ổn định, đảm bảo cho các cháu được ăn học đầy đủ. Chị xác định đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Toan giữ nguyên ý kiến như đã trình bày.

2. Bị đơn là anh Ngọc Văn Th hiện đang ở cùng với bố mẹ đẻ tại thôn Hiệp Reo, xã Vĩnh An, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang; Tòa án đã nhiều lần đến nhà anh Thư để tổng đạt các văn bản tố tụng, lấy lời khai của anh Th nhưng không gặp anh Th. Mẹ đẻ anh Th là bà Nông Thị Ch nhận các văn bản tố tụng thay anh Thư và đã giao lại cho anh Thư, nhưng anh Thư không cung cấp ý kiến bằng văn bản, cũng không chấp hành đến Tòa án làm việc. Do vậy Tòa án không thu thập được ý kiến, lời khai của anh Thư.

3. Cháu Ngọc Khiêm T và cháu Ngọc Tự L đều trình bày: Từ nhỏ các cháu đã theo mẹ về quê ngoại sinh sống, không ở cùng bố. Nếu bố mẹ ly hôn, các cháu đều có nguyện vọng xin được ở cùng với mẹ là chị Bùi Thị T.

4. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng; nguyên đơn chấp hành tốt và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định. Anh Ngọc Văn Th là bị đơn không cung cấp lời khai, không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án. Sau khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử,

Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng anh Thư vẫn vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Thư là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự của phiên tòa sơ thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho ly hôn giữa chị Bùi Thị Toan và anh Ngọc Văn Th, giao cả hai cháu Ngọc Khiêm T, sinh ngày 06/5/2005 và cháu Ngọc Tự L, sinh ngày 24/10/2009 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con; không đặt ra xem xét, giải quyết quan hệ về tài sản; chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Bùi Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” đối với bị đơn anh Ngọc Văn Th, có địa chỉ: Thôn Hiệp R, xã Vĩnh A, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Sơn Động thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Anh Ngọc Văn Th có nơi cư trú rõ ràng, nhưng anh Th cố tình trốn tránh, không chấp hành giấy triệu tập và yêu cầu của Tòa án; có cơ sở xác định anh Thư đã nhận được hoặc biết được các văn bản tố tụng và giấy triệu tập của Tòa án. Do anh Th đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Th theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Ngọc Văn Th kết hôn với nhau tuân theo các điều kiện kết hôn quy định tại Điều 8 – Luật Hôn nhân và gia đình, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh An, huyện Sơn Động vào ngày 26/12/2002. Vì vậy, xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Toan và anh Thư là hợp pháp; nay chị Toan khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và việc nuôi dưỡng con chung, Tòa án thụ lý vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” là đúng quy định tại khoản 1, Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị T yêu cầu ly hôn anh Th với lý do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm, lối sống, bảo ban không ai nghe ai dẫn đến cãi chửi nhau, chị xác định vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2009 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn. Mặc dù Tòa án không lấy được lời khai của anh Th, nhưng căn cứ vào lời khai của chị T, bà Nông Thị Ch (mẹ đẻ anh Th), kết quả xác minh tại địa phương, có đủ cơ sở

khẳng định chị T và anh Th đều vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của người chồng, người vợ là thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và nghĩa vụ chung sống với nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được; Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là đúng quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị T và anh Th có hai con chung là cháu Ngọc Khiêm T, sinh ngày 06/5/2005 và cháu Ngọc Tự L, sinh ngày 24/10/2009, hiện cả hai cháu đang ở cùng chị T. Sau khi ly hôn chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi chị T, anh Th sống ly thân, chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung; chị T có chỗ ở ổn định, có thu nhập từ làm nông nghiệp và làm thuê, đủ điều kiện để nuôi con. Anh Th không cung cấp ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung cho Tòa án. Nguyện vọng của cháu T và cháu L đều mong muốn được ở cùng chị T. Căn cứ vào Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, cần giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, cháu L để đảm bảo cho các cháu có điều kiện phát triển ổn định. Do chị T không yêu cầu nên anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Th có quyền thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở.

[4] Về án phí: Chị T yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 1, Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 6 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị T và anh Ngọc Văn Th.

2. Về con chung:

Giao cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu Ngọc Khiêm T, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2005 và cháu Ngọc Tự L, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2009.

Anh Ngọc Văn Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Ngọc Văn Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0015292 ngày 23/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Động; chị Toan không phải nộp án phí nữa.

Đương sự có mặt có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày nhận được (hoặc kể từ ngày niêm yết) bản án xét xử vắng mặt.

** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện SD
- VKSND tỉnh BG
- TAND tỉnh BG
- UBND xã Vĩnh An
- Lưu hồ sơ, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Hằng